

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 09 năm 2019.



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 35

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe tải, bus, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà SOFIC, số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 58 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Stephen Patrick Gore	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Xuân Diện	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lee Yong Bum	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Adrian Teng	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Mai Phước Nghệ	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Sánh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	
Ông Mai Phước Nghệ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lee Yong Bum	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc Ngày 30 tháng 06 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào Ngày 30 tháng 09 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 16.1 của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày Ngày 30 tháng 09 năm 2019 được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đã được phát hành riêng rẽ.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2019 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Phó Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Hùng Minh

Ngày 18 tháng 10 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Ngân VND

Mã số	TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	19.929.428.037	23.948.025.846
110	I. Tiền	240.516.999	93.805.124
111	1. Tiền	240.516.999	92.858.724
112	2. Các khoản tương đương tiền	-	946.400
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	182.620.099	2.399.500.099
121	1. Chứng khoán kinh doanh	-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	182.620.099	2.399.500.099
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	16.478.859.542	17.194.417.065
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.372.073.241	5.570.677.259
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.937.584.652	2.013.074.459
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.584.435.487	5.768.509.482
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	2.608.240.148	3.865.662.718
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(23.784.907)	(23.787.107)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	310.922	280.254
140	IV. Hàng tồn kho	2.631.955.976	3.821.547.415
141	1. Hàng tồn kho	2.633.213.617	3.823.004.591
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.257.642)	(1.457.176)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	395.475.422	438.756.143
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	103.129.281	101.781.148
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	292.254.364	336.167.539
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	91.777	807.456
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	38.449.999.003	29.990.131.003
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	5.276.784.800	38.280.300
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5.253.350.000	14.850.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	23.434.800	23.430.300
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
220	II. Tài sản cố định	5.781.815.565	5.386.934.895
221	1. Tài sản cố định hữu hình	1.690.504.678	1.529.366.056
222	Nguyên giá	2.617.084.479	2.388.703.404
223	Giá trị khấu hao lũy kế	(926.579.801)	(859.337.348)
227	2. Tài sản cố định vô hình	4.091.110.887	3.857.568.839
228	Nguyên giá	4.290.877.439	4.043.318.352
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(199.766.552)	(185.749.513)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.780.810.603	1.850.820.908
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.780.810.603	1.850.820.908
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	25.359.074.170	22.552.206.238
251	1. Đầu tư vào công ty con	22.533.389.196	21.947.601.264
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	2.935.046.036	11.340.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	62.500.369	765.126.405
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(171.861.431)	(171.861.431)
260	VI. Tài sản dài hạn khác	251.713.865	161.888.662
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	223.955.469	134.130.265
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.758.396	27.758.397
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	58.379.427.040	53.938.156.849

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Ngân VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	27.718.555.060	23.208.822.899
310	I. Nợ ngắn hạn	23.537.077.799	23.204.503.494
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	6.010.660.063	7.357.049.671
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	125.150.950	87.483.501
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	75.496.184	20.830.925
314	4. Phải trả người lao động	5.137.946	23.837.667
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	88.567.301	45.991.702
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.994.542	5.888.288
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	6.499.703.402	6.302.663.000
320	8. Vay ngắn hạn	10.715.205.684	9.360.577.013
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn	4.181.477.262	4.319.405
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	255.338	339.481
341	2. Vay dài hạn	4.177.242.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.979.924	3.979.924
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	30.660.871.980	30.729.333.950
410	I. Vốn chủ sở hữu	30.660.871.980	30.729.333.950
411	1. Vốn cổ phần	16.950.000.000	16.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	16.950.000.000	16.950.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	3.620.919.783	3.620.919.783
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.089.952.197	10.158.414.167
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	8.455.323.157	8.455.323.157
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	1.634.629.040	1.703.091.010
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	58.379.427.040	53.938.156.849


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


CÔNG TY
CỔ PHẦN
Ô TÔ
TRƯỜNG HẢI
19, ĐƯỜNG SỐ 1, ĐỒNG NAI
Nguyễn Hùng Minh
Phó Chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý III.2019	Quý III.2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.932.645.170	10.369.846.139
02	2. Các khoản giảm trừ	17.687.837	3.098.044
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.914.957.333	10.366.748.095
11	4. Giá vốn hàng bán	9.449.161.658	9.873.114.428
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	465.795.675	493.633.667
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	196.274.102	90.752.762
22	7. Chi phí tài chính	242.405.644	104.068.139
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	144.296.371	40.858.869
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	207.057
25	9. Chi phí bán hàng	277.656.190	184.213.706
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	216.439.709	193.221.743
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(74.431.766)	103.089.899
31	12. Thu nhập khác	31.576.619	117.650.039
32	13. Chi phí khác	25.598.155	33.788.859
40	14. Lợi nhuận khác	5.978.463	83.861.181
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(68.453.303)	186.951.079
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.667	22.429.136
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(68.461.969)	164.521.944


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Minh
Phó Chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý III.2019	Quý III.2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(68.453.303)	186.951.079
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	85.552.660	65.873.085
03	Các khoản dự phòng	(201.734)	(90.842)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(7.133.690)	1.288.369
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(129.557.076)	(10.474.781)
06	Chi phí lãi vay	144.296.371	40.858.869
07	Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	24.503.227	284.405.780
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(267.968.283)	1.590.815.342
10	Tăng, giảm hàng tồn kho	1.217.779.828	(791.843.296)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	(1.980.949.718)	445.552.895
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	(91.260.794)	(17.821.443)
13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	Tiền lãi vay đã trả	(93.698.020)	(36.777.235)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.667)	(25.122.526)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	7.541.970
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.191.602.426)	1.456.751.487
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(521.321.264)	(1.386.997.067)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	29.420	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(6.098.429.005)	(4.914.730.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.044.003.000	739.321.657
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.806.867.932)	(339.223.004)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.711.688.227	2.949.908.706
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(4.670.897.554)	(2.951.719.728)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý III.2019	Quý III.2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	12.403.467.138	4.246.046.729
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(5.438.821.780)	(1.907.389.934)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(955.429.031)	(921.648.632)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	6.009.216.327	1.417.008.164
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	146.716.347	(77.960.077)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	93.805.124	173.549.817
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(4.473)	14.375
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	240.516.999	95.604.114


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hưng Minh
Phó Chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 10 năm 2019